**Trường ĐH Bách khoa (ĐH Đà Nẵng)**

**Đào tạo tích hợp cử nhân - kỹ sư**

Trường ĐH Bách khoa (ĐH Đà Nẵng) tuyển sinh trong cả nước, đối tượng thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 và trước năm 2020, có môn thi/môn xét tuyển phù hợp với tổ hợp xét tuyển.

Trường tuyển sinh theo 4 phương thức, theo thứ tự: xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh và xét tuyển theo đề án tuyển sinh của trường; xét tuyển theo học bạ; xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực năm 2020 do ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức; xét tuyển theo điểm thi THPT năm 2020.

Nếu không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển thẳng, xét tuyển theo đề án tuyển sinh, xét tuyển bằng học bạ và xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực thì sẽ chuyển hết số chỉ tiêu còn lại sang hình thức xét tuyển bằng điểm thi THPT năm 2020.

Đối với mỗi ngành, trường chỉ tổ chức đào tạo nếu tổng số thí sinh trúng tuyển theo tất cả các phương thức (tuyển thẳng, xét tuyển bằng học bạ, xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực và xét tuyển theo điểm thi THPT năm 2020) ≥ 15. Trường hợp tổng số thí sinh trúng tuyển vào ngành dưới 15, các thí sinh sẽ được phép đăng ký chuyển sang ngành đào tạo khác có cùng tổ hợp xét tuyển, cùng phương thức tuyển và có điểm xét tuyển cao hơn điểm trúng tuyển của ngành sẽ chuyển sang.

Từ khóa 2020, nhà trường áp dụng mô hình đào tạo tích hợp Cử nhân - Kỹ sư. Sinh viên hoàn thành chương trình đại học (khối lượng 130 tín chỉ), thời gian khoá đào tạo từ 3,5- 4 năm được cấp bằng tốt nghiệp ĐH (Cử nhân) hoặc hoàn thành chương trình đào tạo Kỹ sư (khối lượng 180 tín chỉ), thời gian khoá đào tạo 5 -5,5 năm được cấp đồng thời bằng tốt nghiệp ĐH (Cử nhân) và bằng tốt nghiệp Kỹ sư.

## Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Đối với tất cả các ngành: thí sinh dự tuyển phải có điểm xét tuyển đạt ngưỡng tối thiểu theo quy định. Ngoài ra, thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Kiến trúc phải có điểm môn “Vẽ mỹ thuật” từ 5 trở lên.

1. ***Xét tuyển theo đề án tuyển sinh riêng***

*Đối tượng 1: Xét tuyển đối với học sinh đạt giải Khuyến khích cuộc thi học sinh giỏi cấp quốc gia; giải Khuyến khích cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia:* Điều kiện xét tuyển: thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 có tổng điểm trung bình học tập lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên và điểm trung bình mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5 trở lên. Giải thuộc các năm: 2018, 2019, 2020.

Ngành xét tuyển: Thí sinh đạt giải tại cuộc thi học sinh giỏi quốc qua được xét tuyển vào một trong các ngành của trường, tuỳ thuộc môn thi đạt giải của thí sinh; thí sinh đạt giải tại cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được xét tuyển vào một trong số các ngành tuỳ thuộc lĩnh vực đạt giải của thí sinh.

Chỉ tiêu xét tuyển mỗi ngành nằm trong chỉ tiêu chung của từng ngành. Xét tuyển theo thứ tự thí sinh có điểm trung bình chung của 3 môn Toán, Vật lý, Hóa học trong các năm THPT từ cao xuống thấp. Mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo.

*Đối tượng 2: Xét tuyển đối với học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích tại cuộc thi học sinh giỏi các môn Toán, Vật Lý, Hoá học, Sinh học, Tin học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.* Điều kiện xét tuyển: thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có tổng điểm trung bình học tập các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên và điểm trung bình mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5 trở lên. Giải thuộc các năm: 2018, 2019, 2020.

Ngành xét tuyển: Thí sinh được xét trúng tuyển vào một trong các ngành của trường tuỳ thuộc môn thi đạt giải của thí sinh. Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Kiến trúc phải có điểm thi môn Vẽ mỹ thuật đạt từ 5 điểm trở lên. Chỉ tiêu xét tuyển: nằm trong chỉ tiêu chung của từng ngành. Xét tuyển theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Các thí sinh đồng giải sẽ xét điểm thi học sinh giỏi.

*Đối tượng 3. Xét tuyển đối với học sinh học trường THPT chuyên các môn Toán, Vật Lý, Hoá học, Sinh học, Tin học.* Điều kiện xét tuyển: tốt nghiệp THPT và có điểm trung bình học tập các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của môn chuyên đạt từ 8 trở lên, điểm trung bình môn không chuyên thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ 5,00 trở lên. Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Kiến trúc phải có điểm thi môn Vẽ mỹ thuật đạt từ 5 điểm trở lên. Ngành xét tuyển: thí sinh được xét tuyển vào một trong các ngành của trường, tuỳ thuộc môn chuyên của thí sinh.

Chỉ tiêu xét tuyển mỗi ngành: nằm trong chỉ tiêu chung của từng ngành. Xét tuyển theo thứ tự điểm trung bình của môn chuyên từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Đối với các thí sinh cùng điểm, ưu tiên theo thứ tự điểm trung bình năm học lớp 12 cao hơn.

*Đối tượng 4: Xét tuyển đối với học sinh đạt Học sinh giỏi liên tục năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12.* Điều kiện xét tuyển: Tốt nghiệp THPT năm 2020. Ngành xét tuyển: xét tuyển vào một trong các ngành của trường. Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Kiến trúc phải có điểm thi môn Vẽ mỹ thuật đạt từ 5 điểm trở lên. Chỉ tiêu xét tuyển: nằm trong chỉ tiêu chung của từng ngành. Xét tuyển theo thứ tự tổng điểm trung bình học tập năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (trừ ngành Kiến trúc: điểm trung bình 2 môn trong tổ hợp xét tuyển + điểm thi môn Vẽ mỹ thuật) từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Trường hợp thí sinh bằng điểm, ưu tiên theo thứ tự điểm trung bình năm học lớp 12 cao hơn.

*Đối tượng 5: Xét tuyển đối với học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5,5 trở lên (hoặc TOEFL iBT từ 64 điểm, TOEIC từ 650 điểm trở lên) được cấp trong thời hạn 2 năm tính đến ngày kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển.* Điều kiện xét tuyển: tốt nghiệp THPT năm 2020; có tổng điểm trung bình học tập các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18,00 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình môn Toán đạt từ 7 trở lên và điểm trung bình các môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5 trở lên.

Ngành xét tuyển: xét tuyển vào một trong các ngành của trường. Đối với thí sinh xét tuyển ngành Kiến trúc, tổng điểm trung bình học tập các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 2 môn trong tổ hợp xét tuyển + điểm thi môn Vẽ mỹ thuật đạt từ 18 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình môn Toán đạt từ 7 trở lên và điểm trung bình các môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5 trở lên

Chỉ tiêu xét tuyển: nằm trong chỉ tiêu chung của từng ngành. Xét tuyển theo thứ tự điểm trung bình học tập năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (trừ ngành Kiến trúc: điểm trung bình 2 môn trong tổ hợp xét tuyển + điểm thi môn Vẽ mỹ thuật) từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Trường hợp thí sinh bằng điểm, ưu tiên theo thứ tự điểm trung bình năm học lớp 12 cao hơn.

1. ***Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét học bạ):***

Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm trung bình 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 16 điểm hoặc 18 điểm trở lên (theo ngành đăng ký xét tuyển) và điểm mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển từ 5 trở lên. Thí sinh đăng ký xét tuyển Chương trình tiên tiến Việt-Mỹ phải có điểm trung bình môn tiếng Anh năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12 ở chương trình đào tạo THPT đạt từ 7,0 trở lên hoặc phải có chứng chỉ IELTS từ 4,5 trở lên (hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương).

* Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm các môn trong tổ hợp + Điểm ưu tiên (nếu có)
* Điểm môn học dùng để xét tuyển là điểm trung bình của môn học ở năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I năm lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ.

 *Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2020:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm xét tuyển (ĐXT)  | =  | Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển với hệ số tương ứng mỗi môn, rồi quy về thang điểm 30  | +  | Điểm ưu tiên tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành  |

Sau khi có kết quả thi THPT năm 2020, trường sẽ công bố ngưỡng điểm tối thiểu.

1. ***Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức:***
* Trường sẽ công bố ngưỡng điểm tối thiểu sau khi có kết quả thi đánh giá năng lực năm 2020.
* Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm bài thi ĐGNL + Điểm ưu tiên (nếu có)

|  |
| --- |
| TRƯỜNG ĐH BÁCH KHOA – ĐH ĐÀ NẴNG – Mã trường: DDK |
| **STT** | **Mã ngành**  | **Ngành học** | **Chỉ tiêu (dự kiến)**  | **Tổ hợp môn xét tuyển 1**  | **Tổ hợp môn xét tuyển 2**  | **Tổ hợp môn xét tuyển 3**  |
| **Theo** **KQ thi** **THPT**  | **Theo phương thức khác**  | **Tổ hợp môn**  | **Tổ hợp môn**  | **Tổ hợp môn**  |
| 1  | 7420201  | Công nghệ sinh học  | 35  | 45  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  | Toán + Hóa học + Sinh học  |
| 2  | 7480201  | Công nghệ thông tin (Chất lượng cao - tiếng Nhật)  | 45  | 15  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  | Toán + Vật lý + Tiếng Nhật  |
| 3  | 7480201  | Công nghệ thông tin (Chất lượng cao, Đặc thù - Hợp tác doanh nghiệp)  | 130  | 50  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 4  | 7480201  | Công nghệ thông tin (Đặc thù - Hợp tác doanh nghiệp)  | 40  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 5  | 7510105  | Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 6  | 7510202  | Công nghệ chế tạo máy  | 65  | 95  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 7  | 7510601  | Quản lý công nghiệp  | 35  | 45  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 8  | 7510701  | Công nghệ dầu khí và khai thác dầu  | 20  | 25  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  |   |
| 9  | 7520103  | Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Cơ khí động lực (Chất lượng cao)  | 45  | 75  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 10  | 7520103  | Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Cơ khí động lực  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 11  | 7520114  | Kỹ thuật cơ điện tử (Chất lượng cao)  | 35  | 45  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 12  | 7520114  | Kỹ thuật cơ điện tử  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 13  | 7520115  | Kỹ thuật nhiệt (Chất lượng cao)  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 14  | 7520115  | Kỹ thuật nhiệt  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 15  | 7520122  | Kỹ thuật tàu thủy  | 20  | 25  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 16  | 7520201  | Kỹ thuật điện (Chất lượng cao)  | 45  | 75  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 17  | 7520201  | Kỹ thuật điện  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 18  | 7520207  | Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chất lượng cao)  | 45  | 75  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 19  | 7520207  | Kỹ thuật điện tử - viễn thông  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 20  | 7520216  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Chất lượng cao)  | 45  | 75  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 21  | 7520216  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 22  | 7520301  | Kỹ thuật hóa học  | 40  | 50  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  |   |
| 23  | 7520320  | Kỹ thuật môi trường  | 25  | 20  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  |   |
| 24  | 7540101  | Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)  | 35  | 45  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  | Toán + Hóa học + Sinh học  |
| 25  | 7540101  | Công nghệ thực phẩm  | 25  | 25  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  | Toán + Hóa học + Sinh học  |
| 26  | 7580101  | Kiến trúc (Chất lượng cao)  | 20  | 20  | Vẽ MT + Toán + Vật lý  | Vẽ MT + Toán + Ngữ Văn  | Vẽ MT + Toán + Tiếng Anh  |
| 27  | 7580101  | Kiến trúc  | 30  | 30  | Vẽ MT + Toán + Vật lý  | Vẽ MT + Toán + Ngữ Văn  | Vẽ MT + Toán + Tiếng Anh  |
| 28  | 7580201  | Kỹ thuật xây dựng (chuyên ngành Xây dựng dân dụng & công nghiệp - Chất lượng cao)  | 40  | 50  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 29  | 7580201  | Kỹ thuật xây dựng (chuyên ngành Xây dựng dân dụng & công nghiệp)  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 30  | 7580201  | Kỹ thuật xây dựng (chuyên ngành Tin học xây dựng)  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 31  | 7580202  | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 32  | 7580205  | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chất lượng cao)  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 33  | 7580205  | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 34  | 7580301  | Kinh tế xây dựng (Chất lượng cao)  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 35  | 7580301  | Kinh tế xây dựng  | 25  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 36  | 7850101  | Quản lý tài nguyên & môi trường  | 30  | 30  | Toán + Hóa học + Vật lý  | Toán + Hóa học + Tiếng Anh  |   |
| 37  | 7520118  | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 38  | 7580210  | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 39  | 7905206  | Chương trình tiên tiến Việt-Mỹ ngành Điện tử viễn thông  | 40  | 50  | **Tiếng Anh\*2** + Toán + Vật lý  | **Tiếng Anh\*2** + Toán + Hóa học  |   |
| 40  | 7905216  | Chương trình tiên tiến Việt-Mỹ ngành Hệ thống nhúng  | 25  | 20  | **Tiếng Anh\*2** + Toán + Vật lý  | **Tiếng Anh\*2** + Toán + Hóa học  |   |
| 41  | PFIEV  | Chương trình Kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp (PFIEV)  | 45  | 55  | **Toán\*3** + **Vật** **lý\*2** + Hóa học  | **Toán\*3** + **Vật lý\*2** + Tiếng Anh  |   |
| 42  | 7480201  | Công nghệ thông tin (Chất lượng cao, Đặc thù - Hợp tác doanh nghiệp), chuyên ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo  | 35  | 10  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 43  | 7520103  | Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Cơ khí hàng không  | 20  | 20  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |
| 44  | 7480106  | Kỹ thuật máy tính  | 30  | 30  | Toán + Vật lý + Hóa học  | Toán + Vật lý + Tiếng Anh  |   |